

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG
TRÌNH VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (trước đây là Công ty Công trình Bưu điện thuộc Tổng cục Bưu điện) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/2004/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100683141 lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021.

Theo đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên
Bà Ngô Thị Bích Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	
Ông Đỗ Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Vũ Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2022
Bà Ngô Thị Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Công Toàn	Trưởng ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2022

Ủy Ban Kiểm toán

Họ tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Bình Bắc	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Bỏ nhiệm ngày 02 tháng 08 năm 2022

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Hòa Hiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị, quốc tịch Việt Nam. Thẻ căn cước công dân số 001089028057 cấp ngày 24/09/2019 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Địa chỉ thường trú tại 26-BT1A Cao Xuân Huy – KĐT Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 086/2023/BCKTHN-PB.00486

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị
Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.3 “Thông tin về hoạt động liên tục” trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty lỗ lũy kế là 27.713.966.250 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022 âm 4.630.019.602 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2022 kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.721.252.897	53.252.435.542
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.832.975.848	4.513.130.011
1. Tiền	111		1.332.975.848	513.130.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	4.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.9	500.000.000	500.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.369.681.967	40.127.388.628
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	38.207.471.096	31.289.190.151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	18.823.006.900	18.833.566.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	24.040.587.878	23.043.626.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(32.938.768.907)	(33.276.379.523)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		237.385.000	237.385.000
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	5.495.800.348	8.084.745.010
1. Hàng tồn kho	141		12.811.656.751	15.400.601.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.315.856.403)	(7.315.856.403)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		522.794.734	27.171.893
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.092.223	27.171.893
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	242.702.511	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.939.570.494	5.949.537.646
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	10.000.000	10.000.000
II/ Tài sản cố định	220		4.176.179.036	4.550.118.178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.176.179.036	4.550.118.178
- Nguyên giá	222		16.700.560.472	17.813.349.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.524.381.436)	(13.263.231.500)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		125.000.000	125.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.000.000)	(125.000.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	207.272.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	207.272.727
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		753.391.458	1.182.146.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	753.391.458	1.182.146.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.660.823.391	59.201.973.188

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		37.065.460.287	32.705.616.572
I/ Nợ ngắn hạn	310		36.934.646.287	32.587.116.572
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.535.853.345	11.318.396.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.794.397.263	2.910.095.933
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.746.227.358	1.804.566.507
4. Phải trả người lao động	314		3.572.423.050	3.333.750.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.803.402.930	1.654.333.556
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		356.556.356	406.517.602
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	11.017.779.860	10.816.449.804
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	3.065.000.000	300.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		43.006.125	43.006.125
II/ Nợ dài hạn	330		130.814.000	118.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	130.814.000	118.500.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.595.363.104	26.496.356.616
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	26.595.363.104	26.496.356.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.197.945.459	4.197.945.459
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.449.132	13.449.132
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.656.734.148)	(27.715.037.975)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.715.484.302)	(27.770.074.957)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		58.750.154	55.036.982
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		40.702.661	-
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.660.823.391	59.201.973.188



Nguyễn Hòa Hiệp
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
 Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B02 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	29.161.080.642	42.989.701.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	495.229.874	203.906.141
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.665.850.768	42.785.795.735
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	22.514.221.649	35.736.473.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.151.629.119	7.049.322.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	283.568.744	249.835.436
7. Chi phí tài chính	22	6.5	107.574.643	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>107.574.643</i>	<i>-</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.962.263.116	6.964.323.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(634.639.896)	334.833.778
11. Thu nhập khác	31	6.7	708.376.240	160.255.069
12. Chi phí khác	32	6.8	5.324.597	439.010.434
13. Lợi nhuận khác	40		703.051.643	(278.755.365)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.411.747	56.078.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	8.958.932	1.041.431
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.452.815	55.036.982
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.750.154	55.036.982
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		702.661	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	12	11
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	12	11



Nguyễn Hòa Hiệp
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
 Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B03 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.411.747	56.078.413
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	373.939.142	362.878.538
- Các khoản dự phòng	03	(337.610.616)	(1.174.176.506)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(614.477.835)	(31.500.000)
- Chi phí lãi vay	06	107.574.643	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(402.162.919)	(786.719.555)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.693.032.837)	(20.683.454.454)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.588.944.662	8.530.404.140
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.179.351.571	(7.551.097.452)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	428.755.283	308.614.731
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.487.758)	(9.967.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.899.631.998)	(20.192.220.409)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(327.636.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	330.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.500.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.568.744	31.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.114.477.835	(796.136.363)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	40.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.065.000.000	300.000.000
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.105.000.000	289.800.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(680.154.163)	(20.698.556.772)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.513.130.011	25.211.686.783
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.832.975.848	4.513.130.011



Nguyễn Hòa Hiệp
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
 Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (trước đây là Công ty Công trình Bưu điện thuộc Tổng cục Bưu điện) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1519/2004/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100683141 lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021.

Theo đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 09 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và các công trình công nghiệp, giao thông dân dụng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 40 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 53 nhân viên).

1.7 Cấu trúc Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con đã được Hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất: Công ty Cổ phần Xây lắp Telcom (tên cũ là Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin), trụ sở chính tại Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty con số tiền là 2.000.000.000 VND, tương đương 98,04% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con được lập đến ngày 31/12/2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm, chi phí khác được phân bổ không quá 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.12 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	123.140.961	112.453.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.209.834.887	400.676.273
- Tiền gửi VND	1.209.834.887	400.676.273
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (i)	2.500.000.000	4.000.000.000
Cộng	3.832.975.848	4.513.130.011

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội trong đó có 1.500.000.000 VND với lãi suất 4,6%/năm và 1.000.000.000 VND với lãi suất 4,8%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cục kỹ thuật nghiệp vụ - Bộ Công An	9.301.149.379	-	5.230.523.778	-
Trung tâm mạng lưới Mobifone miền nam - CN Tổng công ty Viễn thông Mobifone	-	-	5.403.017.000	-
Công ty cổ phần viễn thông và giải pháp công nghệ Việt Nam (TTST)	7.162.301.989	-	-	-
Công ty dịch vụ viễn thông (GPC)	1.699.604.661	(1.699.604.661)	1.699.604.661	(1.699.604.661)
Công ty CP Viễn Thông CSC	1.103.592.921	(1.103.592.921)	1.103.592.921	(1.103.592.921)
Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	9.753.872.927	(4.408.477.684)	12.315.455.809	(4.536.117.945)
Các khách hàng khác	9.186.949.219	(2.173.988.745)	5.536.995.982	(2.173.988.745)
Cộng	38.207.471.096	(9.385.664.011)	31.289.190.151	(9.513.304.272)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần HTV.BT Việt Nam (i)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Phan Đình (ii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Môi trường đô thị Thanh Hóa	925.000.000	(925.000.000)	925.000.000	(925.000.000)
Các đối tượng khác	898.006.900	(898.006.900)	908.566.900	(898.006.900)
Cộng	18.823.006.900	(1.823.006.900)	18.833.566.900	(1.823.006.900)

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 90/HĐCN ngày 15/04/2021, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 20 thửa đất tổng diện tích 2.575m² tại khu dự án 15ha, Bình Thuận từ bên chuyển nhượng là Công ty Cổ phần HTV.BT Việt Nam, với giá chuyển nhượng là 36,05 tỷ VND. Đợt 1 thanh toán 15 tỷ VND ngay sau khi ký hợp đồng; Đợt 2 thanh toán 11 tỷ VND khi Bên chuyển nhượng bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước ngày 30/09/2021. Đợt 3 thanh toán giá trị còn lại trước ngày 31/12/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty mới hoàn thành việc thanh toán Đợt 1. Việc bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn thành do tình hình dịch bệnh phức tạp dẫn đến các thủ tục hành chính bị gián đoạn kéo dài. Công ty cũng đang lập kế hoạch tài chính để thanh toán lần 2 đầy nhanh tiến độ chuyển nhượng bàn giao, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(ii) Là tiền ứng trước theo Hợp đồng xây dựng số 96.1/2021/HĐXD ngày 19/04/2021 nhằm thực hiện thi công phần hạng mục thoát nước đối với hệ thống thoát nước điểm cuối trong dự án 15ha Bình Thuận.

5.4 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn**5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	282.692.820	-	128.294.401	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	15.488.730.730	(13.652.763.365)	14.924.104.244	(13.764.974.067)
Phải thu khác	8.269.164.328	(7.839.889.631)	7.991.227.455	(7.937.649.284)
- Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	2.426.562.808	(2.426.562.808)	2.426.562.808	(2.426.562.808)
- Các cá nhân đã nghỉ việc	3.651.462.997	(3.608.820.997)	3.651.462.997	(3.608.820.997)
- Phải thu ngắn hạn khác	2.191.138.523	(1.804.505.826)	1.913.201.650	(1.902.265.479)
Cộng	24.040.587.878	(21.492.652.996)	23.043.626.100	(21.702.623.351)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	10.000.000		10.000.000	
Cộng	10.000.000	-	10.000.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	322.908.000	-	322.908.000	-
Công cụ, dụng cụ	14.663.164	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	12.474.085.587	(7.315.856.403)	15.077.693.413	(7.315.856.403)
Cộng	12.811.656.751	(7.315.856.403)	15.400.601.413	(7.315.856.403)

- (i) Chi phí dở dang của các công trình xây lắp viễn thông trong đó số còn dư của các công trình đã thực hiện nghiệm thu đến 31/12/2022 là 7.315.856.403 VND, số dư này đã được trích lập dự phòng và không tính là chi phí thuế TNDN do không đủ hồ sơ ghi nhận.

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	720.372.552	1.124.567.067
Các khoản khác	33.018.906	57.579.674
Cộng	753.391.458	1.182.146.741

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.7 Dự phòng phải thu khó đòi**5.7.1 Nợ xấu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Dư nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	T/g quá hạn	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu các khách hàng	9.385.664.011	-	>3 năm	-
Công ty dịch vụ viễn thông (GPC)	1.699.604.661	-	>3 năm	-
Công ty CP Viễn Thông CSC	1.103.592.921	-	>3 năm	-
Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	4.408.477.684	-	>3 năm	-
Các khách hàng khác	2.173.988.745	-	>3 năm	-
Trả trước cho người bán	1.823.006.900	-	-	-
Công ty Môi trường đô thị Thanh Hóa	925.000.000	-	>3 năm	-
Các đối tượng khác	898.006.900	-	>3 năm	-
Phải thu khác	21.492.652.996	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	13.652.763.365	-	>3 năm	-
Phải thu khác	7.839.889.631	-	-	-
- Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính viễn thông	2.426.562.808	-	>3 năm	-
- Các cá nhân đã nghỉ việc	3.608.820.997	-	>3 năm	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.804.505.826	-	>3 năm	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	237.445.000	-	>3 năm	-
Cộng	32.938.768.907	-	-	-
			Dư nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
			9.513.304.272	-
			1.699.604.661	-
			1.103.592.921	-
			4.536.117.945	-
			2.173.988.745	-
			1.823.006.900	-
			925.000.000	-
			898.006.900	-
			21.702.623.351	-
			13.764.974.067	-
			7.937.649.284	-
			2.426.562.808	-
			3.608.820.997	-
			1.902.265.479	-
			237.445.000	-
			33.276.379.523	-

5.7.2 Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Nợ phải thu ngân hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	(33.276.379.523)	-	(33.276.379.523)
Hoàn nhập dự phòng	337.610.616	-	337.610.616
Tại ngày 31/12/2022	(32.938.768.907)	-	(32.938.768.907)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	11.164.213.205	2.987.349.104	3.430.675.036	231.112.333	17.813.349.678
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.112.789.206)	-	(1.112.789.206)
Số dư tại 31/12/2022	11.164.213.205	2.987.349.104	2.317.885.830	231.112.333	16.700.560.472
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2022	6.722.458.663	2.987.349.104	3.430.675.036	122.748.697	13.263.231.500
Khấu hao trong năm	350.408.840	-	-	23.530.302	373.939.142
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.112.789.206)	-	(1.112.789.206)
Số dư tại 31/12/2022	7.072.867.503	2.987.349.104	2.317.885.830	146.278.999	12.524.381.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	4.441.754.542	-	-	108.363.636	4.550.118.178
Tại ngày 31/12/2022	4.091.345.702	-	-	84.833.334	4.176.179.036
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Tại ngày 01/01/2022	637.857.067	2.987.349.104	3.430.675.036	122.748.697	7.178.629.904
Tại ngày 31/12/2022	637.857.067	2.987.349.104	2.317.885.830	122.748.697	6.065.840.698

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn**5.9.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP BIDV.

5.9.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào đơn vị khác	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-
Cộng	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long 4.000.000.000 VND tương đương 3,6% vốn điều lệ. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này do lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ và cổ phiếu đã bị hủy niêm yết từ 17 tháng 05 năm 2013. Từ năm 2012 đến nay, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long.

Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. **Tình hình hoạt động của công ty con:** Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	-	125.000.000	125.000.000
Số dư tại 31/12/2022	-	125.000.000	125.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2022	-	125.000.000	125.000.000
Số dư tại 31/12/2022	-	125.000.000	125.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-

Nguyên giá phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến 31/12/2022 là 125.000.000 VND.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần viễn thông và giải pháp công nghệ Việt Nam (TTST)	-	-	2.611.341.876	2.611.341.876
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển HTCOM GROUP	-	-	935.000.000	935.000.000
Công ty CP Lắp đặt Viễn thông TLK	1.612.484.950	1.612.484.950	481.596.600	481.596.600
Công ty CP Điện nhẹ Viễn Thông	874.317.656	874.317.656	874.317.656	874.317.656
Công ty CP đầu tư phát triển Công nghệ	3.218.500.000	3.218.500.000	3.218.500.000	3.218.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Mobifone Toàn Cầu	2.592.568.000	2.592.568.000	-	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Hoàng Mai	1.718.291.880	1.718.291.880	-	-
Các đối tượng khác	2.519.690.859	2.519.690.859	3.197.640.193	3.197.640.193
Cộng	12.535.853.345	12.535.853.345	11.318.396.325	11.318.396.325

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần HTV.BT Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty mạng lưới VIETTEL-CN Tập đoàn Viễn thông QĐ	669.071.583	669.071.583	774.300.553	774.300.553
Các đối tượng khác	125.325.680	125.325.680	135.795.380	135.795.380
Cộng	2.794.397.263	2.794.397.263	2.910.095.933	2.910.095.933

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay	510.480.853	402.906.210
Chi phí công trình phải trả	1.292.922.077	1.251.427.346
Cộng	1.803.402.930	1.654.333.556

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	162.125.346	162.125.346	209.190.910	209.190.910
Bảo hiểm xã hội	-	-	7.688.145	7.688.145
Bảo hiểm y tế	1.854.780	1.854.780	206.094	206.094
Bảo hiểm thất nghiệp	1.607.141	1.607.141	367.805	367.805
Nhận ký quỹ, ký cược	15.686.000	15.686.000	15.686.000	15.686.000
Tạm ứng	6.234.187.520	6.234.187.520	5.487.679.369	5.487.679.369
Phải trả khác	4.602.319.073	4.602.319.073	5.095.631.481	5.095.631.481
- Cổ tức, lợi nhuận	1.403.244.544	1.403.244.544	1.403.244.544	1.403.244.544
- Các khoản vay cá nhân không đúng thẩm quyền chờ xử lý	1.340.170.700	1.340.170.700	1.340.170.700	1.340.170.700
- Phải trả NH khác	1.858.903.829	1.858.903.829	2.352.216.237	2.352.216.237
Cộng	11.017.779.860	11.017.779.860	10.816.449.804	10.816.449.804

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhận ký quỹ, ký cược (i)	130.814.000	130.814.000	118.500.000	118.500.000
Cộng	130.814.000	130.814.000	118.500.000	118.500.000

(i) Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	31/12/2022	31/12/2022	trong năm	trong năm	01/01/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.504.762.724	1.503.305.657	1.569.562.307	-	1.571.019.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	45.355.553	7.917.501	-	-	37.438.052
Thuế thu nhập cá nhân	-	81.819.529	33.993.260	33.993.260	-	81.819.529
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	242.702.511	-	606.571.531	849.274.042	-	-
Các loại thuế khác	-	114.289.552	8.000.000	8.000.000	-	114.289.552
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	333.135	333.135	-	-
Cộng	242.702.511	1.746.227.358	2.160.121.084	2.461.162.744	-	1.804.566.507

5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.065.000.000	3.065.000.000	3.065.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay cá nhân ngắn hạn (i)	3.065.000.000	3.065.000.000	3.065.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Cộng	3.065.000.000	3.065.000.000	3.065.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000

(i) Các khoản vay các nhân cụ thể:

Vay cá nhân của ông Vũ Anh Tuấn theo Hợp đồng vay số 10/10/2022/HĐTD ngày 10/10/2022 số tiền là 2.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 12%/năm nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay tin chấp không có tài sản đảm bảo.

Vay cá nhân của bà Nguyễn Thị Cẩm Linh theo HĐ số 01HDVV.2022 ngày 12 tháng 01 năm 2022, tổng số tiền là 1.065.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 12%/năm nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay tin chấp không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BAO CAO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND					
Năm trước							
Số dư tại 01/01/2021	50.000.000.000	13.449.132	4.197.945.459	(27.770.074.957)	-	-	26.441.319.634
Lãi trong năm trước	-	-	-	55.036.982	-	-	55.036.982
Số dư tại 31/12/2021	50.000.000.000	13.449.132	4.197.945.459	(27.715.037.975)	-	-	26.496.356.616
Năm nay							
Số dư tại 01/01/2022	50.000.000.000	13.449.132	4.197.945.459	(27.715.037.975)	-	-	26.496.356.616
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	58.750.154	702.661	-	59.452.815
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
Giảm khác	-	-	-	(446.327)	-	-	(446.327)
Số dư tại 31/12/2022	50.000.000.000	13.449.132	4.197.945.459	(27.656.734.148)	40.702.661	-	26.595.363.104

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	14.500.000.000	29,00%	14.500.000.000	29,00%
Ông Lê Hải Đoàn	12.400.000.000	24,80%	12.400.000.000	24,80%
Ông Lại Trung Dũng	13.143.500.000	26,29%	13.143.500.000	26,29%
Các cổ đông góp vốn khác	9.956.500.000	19,91%	9.956.500.000	19,91%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.876.432.544	30.792.283.057
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	2.372.075.393	9.053.211.914
Doanh thu dịch vụ khác	4.912.572.705	3.144.206.905
Cộng	29.161.080.642	42.989.701.876

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giảm doanh thu xây lắp theo quyết toán công trình	495.229.874	203.906.141
Cộng	495.229.874	203.906.141

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	20.221.969.500	28.258.177.652
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	1.508.945.253	7.301.783.154
Giá vốn dịch vụ khác	783.306.896	176.512.873
Cộng	22.514.221.649	35.736.473.679

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	283.568.744	249.835.436
	283.568.744	249.835.436

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	107.574.643	-
Cộng	107.574.643	-

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.627.164.344	4.095.610.721
Chi phí vật liệu quản lý	-	19.759.242
Chi phí khấu hao TSCĐ	373.939.142	186.365.665
Thuế, phí và lệ phí	760.190.556	812.202.597
Chi phí dự phòng	(337.610.616)	(1.174.176.506)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	997.860.263	720.420.578
Chi phí bằng tiền khác	1.540.719.427	2.304.141.417
Cộng	6.962.263.116	6.964.323.714

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	330.909.091	-
Thu lại tạm ứng từ khoản doanh thu công trình bị cắt giảm	98.721.659	147.343.381
Các khoản khác	278.745.490	12.911.688
Cộng	708.376.240	160.255.069

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HH

6.8 Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thuê đất Đồng Nai từ 1996-2000	-	424.910.850
Các khoản khác	5.324.597	14.099.584
Cộng	5.324.597	439.010.434

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.958.932	1.041.431
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	8.958.932	1.041.431
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.958.932	1.041.431

6.10 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	58.750.154	55.036.982
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	58.750.154	55.036.982
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12	11

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.710.064.228	16.555.498.030
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	10.626.101.293	12.071.790.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.939.142	362.878.538
Thuế, phí, lệ phí	760.190.556	-
Hoàn nhập dự phòng	(337.610.616)	(1.174.176.506)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.740.097	8.635.072.416
Chi phí khác bằng tiền	1.666.150.662	3.264.783.215
Cộng	30.836.575.362	39.715.846.277

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty là các thành viên quản lý chủ chốt.

- Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên Quản lý chủ chốt	Chức danh	Tiền lương và thù lao	
		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	Chủ tịch HĐQT (từ 01/07/2021)	117.372.000	-
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên HĐQT	88.029.000	-
Ông Vũ Đức Quang	Chủ tịch HĐQT (đến 01/07/2021)	-	171.830.374
Ông Đỗ Quốc Toàn	Tổng Giám đốc (từ 01/07/2021)	180.906.211	82.110.000
Ông Dương Vũ Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến 16/03/2022)	24.115.126	154.364.718
Bà Ngô Thị Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc (đến 14/01/2022)	5.950.000	78.540.000
Ông Vũ Minh Yên	Phó Tổng Giám đốc (đến 01/07/2021)	-	25.801.364
Ông Nguyễn Công Toàn	Trưởng Ban kiểm soát (đến 30/04/2022)	10.710.000	37.566.136
Bà Nguyễn Thị Kiều Ngọc	Kế toán trưởng	130.880.943	122.678.184
Tổng cộng:		557.963.280	672.890.776

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN/HN

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty lỗ lũy kế là 27.713.966.250 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022 âm 4.630.019.602 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ngoài các vấn đề đã nêu, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng quản trị, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Hòa Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Kiều Ngọc
Kế toán trưởng

Hà Trung Tín
Người lập biểu

N.H.H. / A.